

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO MARKETING SỐ

ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP QUỐC TẾ

(Áp dụng từ K63 trở đi)

(Ban hành theo Quyết định số 2653/QĐ-ĐHNT ngày 16/08/2024)

1. Mục tiêu đào tạo

Mục tiêu chung

CTĐT định hướng nghề nghiệp quốc tế Marketing số được tổ chức đào tạo đặc thù theo định hướng nghề nghiệp, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp và sức khỏe tốt, định hướng nghề nghiệp rõ ràng; có kiến thức nền tảng về marketing và kiến thức, kỹ năng chuyên sâu về marketing số; có tư duy sáng tạo, khả năng thực chiến nhằm phát hiện và giải quyết các vấn đề của tổ chức, doanh nghiệp trước những thay đổi nhanh chóng của kinh tế toàn cầu; có năng lực tự chủ và trách nhiệm, khả năng làm việc độc lập và khả năng học tập suốt đời; đảm nhận được các vị trí chuyên gia, nhà quản lý trong lĩnh vực marketing tại các tổ chức, doanh nghiệp trong nước, quốc tế trong môi trường kinh doanh số và có thể tiếp tục tham gia học tập ở các bậc đào tạo cao hơn.

Mục tiêu cụ thể

(PO1) có phẩm chất chính trị, đạo đức và định hướng nghề nghiệp rõ ràng; có sức khỏe tốt, tinh thần trách nhiệm và ý thức phục vụ cộng đồng; có tư duy sáng tạo, các kỹ năng làm việc độc lập trong môi trường quốc tế, có khả năng thích ứng cao, tự học và học tập suốt đời cũng như học tiếp các CTĐT ở trình độ cao hơn;

(PO2) có kiến thức nền tảng về kinh tế - kinh doanh để xây dựng hệ tư duy kinh doanh và quản lý; kiến thức cốt lõi về marketing như xây dựng chiến lược, lập kế hoạch marketing, marketing quốc tế để phục vụ triển khai kinh doanh trong môi trường quốc tế;

(PO3) có kiến thức chuyên sâu về marketing số, đặc biệt về nghiên cứu thị trường, quản lý và phát triển thương hiệu, kênh bán số, truyền thông marketing số và tổ chức triển khai các hoạt động marketing trên nền tảng số;

(PO4) có khả năng kết hợp sáng tạo các kỹ năng, có năng lực phát hiện và giải quyết nhanh các vấn đề trong lập và thực hành dự án marketing số, tập trung vào nghiên cứu thị trường, vận hành kênh bán số, thiết kế và triển khai truyền thông số; có tư duy khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác;

(PO5) có khả năng sử dụng thành thạo ngoại ngữ marketing, marketing số và có tư duy về chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin trong kinh tế và kinh doanh, kỹ năng sử dụng các công cụ, phần mềm hoặc nền tảng công nghệ ứng dụng phục vụ phân tích dữ liệu, mô phỏng và ra quyết định về chiến lược, kế hoạch marketing.

2. Chuẩn đầu ra

Về kiến thức

(PLO1) Vận dụng được các kiến thức nền tảng về khoa học chính trị, khoa học xã hội, pháp luật, phương pháp luận, thế giới quan khoa học, công nghệ thông tin và các kiến thức giáo dục đại cương khác để học tập, nghiên cứu và làm việc suốt đời;

(PLO2) Vận dụng kiến thức kinh tế, kinh doanh và kiến thức cốt lõi về marketing để giải thích các hiện tượng kinh tế, kinh doanh, đặc điểm thị trường và hành vi khách hàng gắn với môi trường số phục vụ triển khai hoạt động marketing;

(PLO3) Vận dụng kiến thức cốt lõi về marketing số và kiến thức công nghệ thông tin để xây dựng và tổ chức triển khai kế hoạch marketing, marketing số, giám sát và xử lý các vấn đề phát sinh liên quan đến hoạt động nghiên cứu thị trường, quản lý và phát triển thương hiệu, kênh bán số, truyền thông marketing số và tổ chức triển khai các hoạt động marketing trên nền tảng số.

Về kỹ năng

(PLO4) Kỹ năng nghiên cứu, phân tích thị trường, tâm lý và hành vi khách hàng số;

(PLO5) Kỹ năng lập kế hoạch marketing, kế hoạch chức năng trong marketing (nghiên cứu thị trường, bán hàng và truyền thông...); kỹ năng triển khai kênh bán số, kỹ năng thiết kế nhãn hiệu và nội dung truyền thông số;

(PLO6) Kỹ năng giải quyết các vấn đề marketing, truyền thông marketing trong môi trường số;

(PLO7) Kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin nâng cao (ban hành kèm theo Thông tư 03/2014/TT-BTTTT ngày 14/03/2014); Kỹ năng sử dụng các phần mềm marketing trong môi trường số;

(PLO8) Sử dụng tiếng Anh (Bậc 5/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014), đặc biệt là tiếng Anh chuyên sâu trong lĩnh vực marketing, marketing số và truyền thông marketing số.

Về mức độ tự chủ và trách nhiệm

(PLO9): Có năng lực chủ động lập kế hoạch, triển khai, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động; có thái độ cầu thị trong học tập, sẵn sàng đón nhận tri thức mới, tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ;

(PLO10): Có năng lực làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi của bối cảnh toàn cầu, có tinh thần chấp nhận các giá trị khác biệt, có năng lực dẫn dắt, chủ động hướng dẫn, giám sát công việc của các thành viên trong nhóm để thực hiện nhiệm vụ xác định;

(PLO11): Có tư duy đổi mới sáng tạo và năng lực tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có khả năng bảo vệ được quan điểm cá nhân trước tập thể;

(PLO12): Có bản lĩnh vượt qua các khó khăn, thử thách và có trách nhiệm đối với cá nhân, tập thể, không ngừng tạo nên giá trị chung cho tổ chức và cộng đồng xã hội.

3. Khung chương trình đào tạo

TT	Tên học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Học phần tiên quyết
1	Khối kiến thức giáo dục đại cương		20	
1.1	Lý luận chính trị		11	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Học phần tiên quyết
1		TRIH114	3	Không
2	Kinh tế Chính trị Mác-Lênin (Marxist- Leninist Political Economy)	TRIH115	2	Không
3	Chủ nghĩa Xã hội Khoa học (Scientific socialism)	TRIH116	2	TRIH114, TRIH115
4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (History of the Communist Party of Vietnam)	TRIH117	2	TRIH114, TRIH115
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh (Ho Chi Minh's Ideology)	TRIH104	2	TRIH114, TRIH115
1.2	Khoa học xã hội, Nhân văn - Nghệ thuật, Toán - Tin học		9	
6	Toán cao cấp (Advanced Mathematics)	TOAH105	3	Không
7	Tin học (Informatics)	TINH206	3	Không
8	Pháp luật đại cương (Introduction to Law)	PLUE111	3	Không
2	Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		111	
2.1	Kiến thức cơ sở (khối ngành/ngành)		45	
2.1.1	Kiến thức cơ sở (khối ngành/ngành) bắt buộc		39	
9	Kinh doanh số (Digital Business)	DBZE306	3	<i>QTRE303</i>
10	Kinh tế vi mô (Microeconomics)	KTEE201	3	Không
11	Kinh tế vĩ mô (Macroeconomics)	KTEE203	3	Không
12	Phương pháp nghiên cứu trong kinh tế và kinh doanh (Research methodology for economics and business)	KTEE206	3	Không
13	Quản trị học (Principles of Management)	QTRE303	3	<i>KTEE201</i>
14	Lý thuyết xác suất và thống kê toán (Theory of Probability and Statistics)	TOAH201	3	<i>TOAH105</i>

TT	Tên học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Học phần tiên quyết
15	Cơ sở dữ liệu (Data management system)	TINE313	3	<i>Không</i>
16	FDMAP 1: Phát triển kỹ năng nghề nghiệp Marketing (Career Development Skill)	MKTH204	3	<i>Không</i>
	Các học phần ngoại ngữ		15	
17	Tiếng Anh chuyên ngành 1 (Tiếng Anh thương mại nâng cao) English for Specific Purpose 1 (Advanced Business English)	ESP111	3	
18	Tiếng Anh chuyên ngành 2 (Giao tiếp kinh doanh) English for Specific Purpose 2 (Business Communication)	ESP121	3	ESP111
19	Tiếng Anh chuyên ngành 3 (Marketing) (English for Specific Purpose 3 (English for Marketing))	ESP235	3	ESP121
20	<i>Tiếng Anh chuyên ngành 4 (chọn 1 trong 2)</i>			
	Tiếng Anh chuyên ngành 4 (Thư tín thương mại) <i>English for Specific Purpose 4 (Business Correspondence)</i>	ESP341	3	ESP235
	Tiếng Anh chuyên ngành 4 (Hợp đồng) <i>English for Specific Purpose 4 (Contract)</i>	ESP342	3	ESP235
21	Tiếng Anh chuyên ngành 5 (Diễn thuyết trước công chúng) <i>English for Specific Purpose 5(Public Speaking)</i>	ESP451	3	ESP235
2.1.2	Kiến thức cơ sở (khôi ngành/ ngành) tự chọn (2 học phần)		6	
22	Kinh doanh quốc tế (International Business)	KDOE307	3	<i>Không</i>
23	Kinh tế kinh doanh (Business Economics)	KTEE312	3	<i>KTEE201 KTEE203</i>
24	Nguyên lý kế toán (Principles of Accounting)	KETE201	3	<i>QTRE303</i>
25	Lý thuyết tài chính (Principles of Finance)	TCHH302	3	<i>KTEE201</i>

TT	Tên học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Học phần tiên quyết
26	Quản trị tài chính (Financial Management)	KETE307	3	<i>KTEE201</i>
27	Tâm lý học (Psychology)	TLHH101	3	<i>Không</i>
28	Lập trình cho dữ liệu và tính toán khoa học (Programming for Data Analysis and Scientific Computing)	TINH314	3	<i>Không</i>
2.2	Kiến thức ngành		27	
2.2.1	Học phần bắt buộc		21	
29	Pháp luật điều chỉnh trong thương mại điện tử (E-Commerce Law)	PLUE301	3	PLUE111
30	Lập dự án kinh doanh số (Digital Project Planning)	MKTH307	3	<i>MKTE301</i>
31	Chiến lược và kế hoạch Marketing (Marketing Planning and Strategies)	MKTE308	3	<i>MKTE301</i>
32	Tâm lý và hành vi khách hàng (Customer Psychology and Behavior)	MKTE200	3	<i>MKTE301</i>
33	Nghiên cứu Marketing (Marketing Research)	MKTE305	3	<i>MKTE301</i>
34	Marketing căn bản (Principle of Marketing)	MKTE301	3	<i>Không</i>
35	FDMAP 2: Thực hành nghiên cứu thị trường (Capstone Project 2: Marketing research)	MKTH205	3	<i>MKTE305</i>
2.2.2	Học phần tự chọn (chọn 2 học phần)		6	
36	Đạo đức kinh doanh và trách nhiệm xã hội (Business Ethics and Corporate Social Responsibility)	KDOH305	3	<i>Không</i>
37	Đổi mới sáng tạo trong kinh doanh số (Digital Business and Innovation)	MKTE202	3	<i>Không</i>
38	Phân tích dữ liệu kinh doanh (Business Analytics)	VJPE205	3	<i>TOAH201</i>

TT	Tên học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Học phần tiên quyết
39	Thương mại điện tử (E-Commerce)	TMAE306	3	<i>TINH206</i>
40	Hệ thống thông tin Marketing và khai thác cơ sở dữ liệu lớn	MKTE209	3	<i>MKTE301</i>
41	Xúc tiến thương mại, du lịch, đầu tư quốc tế (Trade, Tourism, and Investment Facilitation)	TMAH325	3	<i>Không</i>
42	Công nghệ di động, Internet vạn vật và ứng dụng (Mobile Technologies, IoT and Business Apps)	VJPE313	3	<i>Không</i>
2.3	Kiến thức chuyên ngành		30	
2.3.1	Học phần bắt buộc ib		21	
43	Marketing quốc tế (International Marketing)	MKTE401	3	<i>MTKE301</i>
44	Marketing số (Digital marketing)	MKTE206	3	<i>MKTE301</i>
45	Quản lý thương hiệu và nhượng quyền thương mại (Brand management and Franchising)	MKTE314	3	<i>MKTE301</i>
46	Truyền thông Marketing số (Digital Marketing Communication)	MKTE309	3	<i>MTKE301</i>
47	Quản trị phân phối và phát triển kênh bán số (Distribution Management and Digital Channel Development)	MKTE207	3	<i>MTKE301</i>
48	Sáng tạo ý tưởng thiết kế và nội dung số (Digital Content Creation)	MKTE310	3	<i>MKTE301</i>
49	FDMAP3: Thực hành kênh bán hàng số (Capstone Project 3: Place Digital)	MKTH311	3	<i>MKTH205</i>
2.3.2	Học phần tự chọn (chọn 3 học phần)		9	
50	Quan hệ khách hàng trong kinh doanh (Business Customer Relationships)	MKTE402	3	<i>MTKE301</i>
51	Quan hệ công chúng (Public Relation Management)	MKTE312	3	<i>MTKE301</i>
52	Marketing dịch vụ (Service Marketing)	MKTE208	3	<i>MTKE301</i>
53	Sở hữu trí tuệ trong môi trường số	MKTE313	3	<i>Không</i>

TT	Tên học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Học phần tiên quyết
	(Intellectual Property in the Digital Environment)			
54	Số hóa trong quản lý chuỗi cung ứng (Digitalization in Supply Chain Management)	MKTH315	3	Không
55	Quản lý rủi ro trong kinh doanh quốc tế (Risk Management in International Business)	KDOE402	3	KDOE307
56	Trí tuệ nhân tạo trong kỷ nguyên chuyển đổi số (AI in the Era of Digital Transformation)	AIDE300	3	Không
57	Quản lý số (Digital Governance)	MKTE203	3	Không
2.4	Học phần tốt nghiệp		9	
58	Khóa luận tốt nghiệp (FDMAP4): Dự án marketing số sáng tạo (Graduation project)	MKTH52 1	9	Tại thời điểm công bố danh sách chính thức thực hiện học phần tốt nghiệp, sinh viên không bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập trở lên, không đang trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự; Còn không quá 6 tín chỉ chưa tích lũy hoặc đang học cải thiện của CTĐT (ngoại trừ số tín chỉ của học phần tốt nghiệp); Không vi phạm nghĩa vụ nộp học phí.

** Sinh viên được lựa chọn học ngoại ngữ thứ 2 của Chương trình đào tạo (lựa chọn một trong các ngôn ngữ Anh/ Trung/Nhật/Pháp/ Tây Ban Nha). Sau khi hoàn thành các học

phần ngoại ngữ 2 sinh viên đạt được mức 3/6 về Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT. Kết quả học tập ngoại ngữ 2 không tính vào điểm trung bình chung tích lũy, không phải là điều kiện để đánh giá mức độ đạt chuẩn đầu ra của CTĐT. Kết quả học tập được ghi nhận kèm theo Chứng nhận học tập của sinh viên.